

Bản án số: 56/2024/KDTM-PT
Ngày 21/3/2024
V/v “*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng
Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên

Trong các ngày 20 và 21 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 249/2023/TLPT-KDTM ngày 16/11/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng kinh tế*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2023/KDTM-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 871/2023/QĐ-PT ngày 26/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2024/QĐ-PT ngày 19/01/2024; Thông báo về việc thời gian mở lại phiên tòa số 98/2024/TB-TA ngày 19/02/2024; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 118/2024/TB-TA ngày 22/02/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N

Địa chỉ: Khu công nghiệp Châu S, phường Lê Hồng P, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Văn H – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh B, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 196 đường Trường C, phường Hai Bà T, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; có mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH L Việt Nam

Địa chỉ: Điểm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Đông S, xã Đông S, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H – Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1985. Địa chỉ: 1616 V3 V, phường Phú L, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/3/2017, Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N (sau đây viết tắt là Công ty Phú N) ký hợp đồng kinh tế số 2017-01/HĐKT/PN-L về việc gia công, chế tạo và lắp dựng nhà thép tiền chế với Công ty TNHH L Việt Nam (sau đây viết tắt là Công ty L). Trong hợp đồng này, các bên thỏa thuận một số điều khoản cơ bản sau:

- Công ty Phú N nhận thầu xây lắp nhà xưởng số 03 thuộc Công ty L theo hồ sơ thiết kế thi công được Công ty L chấp thuận, có bảng kê chi tiết khối lượng kèm theo.

+ Thời gian thi công từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/11/2018 với điều kiện Công ty L đảm bảo mặt bằng thi công cho Công ty Phú N, không kể thời gian ngừng việc do những điều kiện bất khả kháng hay do lỗi của Công ty L.

- Giá trị hợp đồng là 2.250.418.047 đồng, đã bao gồm chi phí VAT, vật liệu, nhân công, bảo hiểm, an toàn lao động... và không bao gồm vật liệu thép định vị bu lông móng. Giá trị quyết toán theo khối lượng và đơn giá trong bảng kê chi tiết khối lượng. Hình thức thanh toán chuyển khoản. Việc thanh toán được thực hiện thành 02 đợt:

+ Đợt 1: Không quá 03 ngày làm việc của ngân hàng ngay sau khi hợp đồng được ký kết bên Công ty L tạm ứng cho bên Công ty Phú N (khoảng 22% giá trị hợp đồng) tương ứng với số tiền là: 500.000.0000 đồng.

+ Đợt 2: Sau khi Công ty Phú N thi công xong toàn bộ công việc theo hợp đồng và các khối lượng công việc phát sinh (nếu có), hai bên tiến hành nghiệm thu toàn bộ hạng mục công trình, thì Công ty L thanh toán cho Công ty Phú N số tiền còn lại theo giá trị quyết toán thực tế. Thời gian thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu và các bên bàn giao đầy đủ hồ sơ quyết

toán. Các hồ sơ quyết toán, biên bản nghiệm thu phải được ký bởi người đại diện pháp luật hoặc người được ủy quyền.

Hồ sơ quyết toán gồm biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, công văn đề nghị thanh toán, hồ sơ hoàn công, hóa đơn VAT.

- Khi Công ty L chưa hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, thanh lý hợp đồng thì tài sản nhà xưởng số 3 vẫn thuộc quyền quản lý của Công ty Phú N do Công ty Phú N toàn quyền quyết định xử lý số tài sản trên.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, ngày 30/3/2017, Công ty L đã tạm ứng cho Công ty Phú N số tiền 500.000.000 đồng. Công ty Phú N đã thực hiện thi công công trình.

Đến ngày 10/10/2018, hai bên tiếp tục ký kết phụ lục hợp đồng số 01 để bổ sung hạng mục lợp tôn nhà xưởng và lắp đặt hệ cửa đi nhà xưởng (theo bảng kê chi tiết khối lượng kèm theo); thời gian hoàn thành trước ngày 31/12/2021. Giá trị của phụ lục số 01 theo bảng kê chi tiết là: 1.162.716.210 đồng. Giá trị đã bao gồm VAT 10%. Phương thức thanh toán của phụ lục: Công ty L tạm ứng cho Công ty Phú N 70% giá trị phụ lục số 01. Số tiền còn lại cũng sẽ thanh toán không quá 15 ngày kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu và Công ty Phú N bàn giao đầy đủ hồ sơ quyết toán. Ngày 17/9/2018, Công ty L đã ứng trước cho Công ty Phú N số tiền 500.000.000 đồng cho Phụ lục số 01.

Công ty Phú N đã tiến hành xây dựng xong nhà xưởng theo hợp đồng và phụ lục đã ký. Ngày 10/01/2022, hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, tại biên bản này, Công ty L xác nhận còn nợ Công ty Phú N số tiền 2.413.134.257 đồng. Ngày 26/4/2022, Công ty L đã chuyển khoản thanh toán số tiền 100.000.000 đồng. Đến nay, số tiền Công ty L còn nợ Công ty Phú N là 2.313.134.257 đồng.

Sau đó, Công ty Phú N đã nhiều lần liên lạc với Công ty L để tiến hành bàn giao hồ sơ và yêu cầu Công ty L thanh toán công nợ nhưng đều không nhận được sự hợp tác. Ngày 23/5/2022, Công ty Phú N tiến hành bàn giao hồ sơ thanh toán cho ông Trịnh Duy Luân và bà Nguyễn Đức Toàn là thành viên góp vốn và đang là người điều hành quản lý Công ty L. Đến nay, Công ty L vẫn chưa thanh toán cho Công ty Phú N số tiền còn phải thanh toán theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Vì vậy, Công ty Phú N đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Buộc Công ty L thanh toán số tiền còn nợ gốc theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng cho Công ty Phú N là 2.313.134.257 đồng; Tiền lãi do chậm thanh toán theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của 3 ngân hàng trên thị trường 12%/năm từ ngày 01/02/2022 đến ngày 23/6/2023 là 366.570.835 đồng. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc theo hợp đồng và tiền lãi mà Công ty L phải thanh toán

cho Công ty Phú N (tạm tính đến ngày 23/6/2023) là 2.679.705.092 đồng: trong đó nợ gốc là 2.313.134.257 đồng, nợ lãi là 366.570.835 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Công ty Phú N và Công ty L đã ký kết hợp đồng kinh tế vào ngày 29/3/2017, về việc gia công, chế tạo và lắp dựng nhà thép tiền chế - Nhà xưởng số 3 với tổng giá trị hợp đồng và phụ lục của hợp đồng là 3.409.604.000 đồng với tiến độ thanh toán được chia làm 03 đợt theo quy định của hợp đồng.

Thời gian thực hiện công việc: Công ty Phú N thực hiện xong toàn bộ các công việc trong vòng 50 ngày kể từ ngày ký hợp đồng với điều kiện đảm bảo mặt bằng cho Công ty Phú N. Thời gian thi công có thể bị ảnh hưởng, tạm ngưng và sẽ được cộng thêm với thời lượng tương ứng do những điều kiện bất khả kháng.

Một thời gian sau, đến tháng 04 năm 2020 thì đại diện Công ty Phú N có đề xuất ký bổ sung lại hợp đồng và các văn bản liên quan đến việc gia công, chế tạo, lắp dựng Nhà xưởng số 3 với nhiều thay đổi để trùng khớp với số liệu điều chỉnh với bên cơ quan quản lý Thuế của Công ty Phú N. Hợp đồng kinh tế ký kết lại có một số thay đổi về giá trị Hợp đồng, tiến độ thanh toán và thời gian thực hiện công việc.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Công ty L luôn tôn trọng và phối hợp với Công ty Phú N để hoàn thành công việc sớm nhất và để đảm bảo chất lượng công trình, tiến độ thanh toán. Nhưng do một vài yếu tố khách quan nên Công ty L đã chậm thanh toán cho Công ty Phú N làm cho tiến độ hoàn thành công trình bị chậm, tạm ngưng một thời gian và hoàn thành muộn hơn dự kiến.

Ngày 10/01/2022 Công ty L và Công ty Phú N đã ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành các hạng mục công trình nhà xưởng để đưa vào sử dụng. Vào ngày 26/4/2022, Công ty L đã thanh toán chuyển khoản cho Công ty Phú N số tiền là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty Phú N vẫn chưa phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình trong vòng 06 tháng kể từ khi có biên bản nghiệm thu.

Trước yêu cầu khởi kiện của Công ty Phú N, Công ty L có ý kiến:

Đề nghị Công ty Phú N phải phát hành chứng thư bảo lãnh bằng 5% giá trị quyết toán thực tế để bảo hành công trình trong vòng 6 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu. Theo đó, Công ty L sẽ thanh toán cho Công ty Phú N đến 100% giá trị quyết toán thực tế còn lại của công trình. Do Công ty Phú N chưa có chứng thư nên đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Công ty Phú N.

Về công nợ theo biên bản đối chiếu công nợ, Công ty L xác nhận còn nợ Công ty Phú N là 2.313.134.257 đồng.

Công ty L đề nghị phương án trả nợ trong vòng khoảng 50 tháng, kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật hoặc có thỏa thuận khác tại Tòa án.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2023/KDTM-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ Điều 157 Luật Doanh Nghiệp 2014; Điều 138; Điều 139; Điều 144; Điều 147 Luật xây dựng năm 2014; Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần cơ khí và xây dựng vật liệu Phú Nguyễn. Cụ thể:

Buộc Công ty TNHH L Việt Nam phải thanh toán cho Công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Phú Nguyễn tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/6/2023 là 2.679.705.092 đồng. Trong đó nợ gốc là 2.313.134.257 đồng và lãi chậm trả là 366.570.835 đồng.

Công ty TNHH L Việt Nam phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

3. Về án phí: Trả lại cho Công ty Cổ phần cơ khí và vật liệu xây dựng Phú Nguyễn số tiền 39.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án theo biên lai số 0076351 ngày 07/11/2022. Công ty TNHH L Việt Nam phải chịu 85.594.102 đồng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, đại diện cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty TNHH L Việt Nam kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của nguyên đơn do nguyên đơn chưa hoàn tất hồ sơ bàn giao nghiệm thu, chưa phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình, vì vậy chưa đủ điều kiện để yêu cầu thanh toán 100% giá trị quyết toán còn lại của công trình.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị nguyên đơn cung cấp chứng thư bảo lãnh, bị đơn xác nhận nợ gốc và nợ lãi như án sơ thẩm là đúng và xin trả dần trong 36 tháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, y án sơ thẩm. Sửa cách tuyên việc tính lãi trên số tiền nợ gốc còn lại theo Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Về án phí: Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty TNHH L Việt Nam được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N với Công ty TNHH L Việt Nam phát sinh từ hợp đồng kinh tế, nên được xác định là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn là Công ty TNHH L Việt Nam có địa chỉ tại điểm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Đông S, xã Đông S, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Xét hợp đồng kinh tế số 2017-01/HĐKT/PN-L ngày 29/3/2017 giữa Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N với Công ty TNHH L Việt Nam được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, sau khi ký các bên đã thực hiện nghĩa vụ của mình. Công trình đã được bàn giao và hai bên đã đối chiếu công nợ xác định Công ty TNHH L Việt Nam còn nợ Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N số tiền 2.313.134.257 đồng nợ gốc. Tuy nhiên, đến thời hạn thanh toán, phía Công ty

TNHH L Việt Nam chưa thanh toán nên án sơ thẩm buộc Công ty TNHH L Việt Nam phải trả cho Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N 2.313.134.257 đồng nợ gốc cùng với nợ lãi chậm thanh toán với mức lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất ngân hàng 12%/năm tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày 23/6/2023 là 366.570.835 đồng là có căn cứ. Mặt khác, bị đơn cũng thừa nhận số tiền nợ gốc và nợ lãi như trên, nên giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị nguyên đơn cho thanh toán số tiền trên trong thời hạn 36 tháng, nhưng nguyên đơn không đồng ý, và điều này cũng không được các bên thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế số 2017-01/HĐKT/PN-L ngày 29/3/2017. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn đề nghị nguyên đơn phát hành chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình bằng 5% giá trị quyết toán thực tế. Hội đồng xét xử thấy: căn cứ vào hợp đồng kinh tế số 2017-01/HĐKT/PN-L ngày 29/3/2017 các bên không có thỏa thuận về việc nguyên đơn phải cung cấp chứng thư bảo lãnh bảo hành công trình. Trong quá trình thu thập và cung cấp chứng cứ, bị đơn xuất trình cho Tòa án 01 bản hợp đồng kinh tế số 2017-01/HĐKT/PN-L nhưng không điền ngày, thì các bên có thỏa thuận: Thời gian bảo hành công trình là 6 tháng tính từ ngày bàn giao với giá trị bảo hành là 5% giá trị quyết toán của công trình bằng thư bảo lãnh ngân hàng của Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N nhưng nguyên đơn không thừa nhận bản hợp đồng này bởi lẽ nó đã được thay thế bằng bản hợp đồng số 2017-01/HĐKT/PN-L ngày 29/3/2017. Mặt khác, sau khi bàn giao công trình đưa vào sử dụng, công trình cũng không bị hỏng hóc trong thời gian bảo hành, nên việc bị đơn lấy lý do nguyên đơn không cung cấp chứng thư bảo lãnh nên chưa thanh toán là không có căn cứ. Vì vậy, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn.

Án sơ thẩm tuyên: “Công ty TNHH L Việt Nam phải tiếp tục chịu tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất quy định của Ngân hàng cho đến khi trả nợ xong” là không đúng theo Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, nên sửa lại phần này của án sơ thẩm.

Từ những phân tích trên và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

Về án phí: Do sửa án sơ thẩm, nên bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 351; Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Áp dụng Điều 138; Điều 139; Điều 144; Điều 147 của Luật Xây dựng

Áp dụng Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH L Việt Nam

- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 13/2023/KDTM-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N.

2. Buộc Công ty TNHH L Việt Nam phải thanh toán cho Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N tổng số tiền 2.679.705.092 đồng.

Trong đó: nợ gốc 2.313.134.257 đồng; nợ lãi 366.570.835 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm:

Hoàn trả Công ty CP cơ khí và vật liệu xây dựng Phú N 39.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0076351 ngày 07/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH L Việt Nam phải chịu 85.594.102 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

4. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả Công ty TNHH L Việt Nam 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0076972 ngày 18/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội;
- TAND huyện Chương Mỹ, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn